



D) KIẾN THỨC TRONG TÂM

A. ĐẠI SỐ

- Hàm số, mặt phẳng tọa độ, hàm số bậc nhất $y = ax + b (a \neq 0)$, đồ thị hàm số $y = ax + b (a \neq 0)$.
- Một số yếu tố thống kê và xác suất.
- Phương trình bậc nhất một ẩn.

B. HÌNH HỌC:

- Định lí Thales, định lí Thales đảo, hệ quả định lí Thales.
- Đường trung bình của tam giác.
- Tính chất đường phân giác của tam giác.
- Tam giác đồng dạng.

II. BÀI TẬP THAM KHẢO:

DẠNG 1: PHÂN THỨC ĐẠI SỐ

Bài 1.1: Cho biểu thức $A = \frac{x}{2x-4} - \frac{x-2}{2x+4} + \frac{8}{x^2-4}$

- Tìm điều kiện xác định và rút gọn biểu thức A .
- Tính giá trị của biểu thức A khi $x = -4$.
- Tìm giá trị nguyên của x để biểu thức A có giá trị nguyên.

Bài 1.2: Cho hai biểu thức $A = \frac{x}{x-3} - \frac{x+1}{x+3} + \frac{3x-3}{9-x^2}$ và $B = \frac{x+1}{x-3}$ với $x \neq \pm 3$.

- Tính giá trị của B biết $|x-4|=1$
- Rút gọn biểu thức A
- Tìm x để $M = 5$, biết $M = B : A$
- Tìm giá trị nguyên của x để N có giá trị nguyên, biết $N = B - A$

Bài 1.3: Cho 2 biểu thức: $P = \frac{x+3}{x-2}$ và $Q = \frac{x-1}{x+2} + \frac{5x-2}{x^2-4}$ với $x > 0$; $x \neq \pm 2$

- Tính giá trị của biểu thức P khi $x = -3$
- Chứng minh: $Q = \frac{x}{x-2}$
- Tìm giá trị nguyên của x để biểu thức $\frac{Q}{P}$ có giá trị nguyên.

Bài 1.4: Cho biểu thức $A = \frac{x+1}{x^2-2x}$ và $B = \frac{x+2}{x-2} - \frac{x-2}{x+2} - \frac{16}{4-x^2}$ với $x \neq \pm 2; x \neq -1$.

- Tính giá trị của A khi $|x-2|=1$.
- Chứng minh $B = \frac{8}{x-2}$
- Đặt $P = B : A$. Rút gọn biểu thức P .
- Tìm x nguyên dương để P là số tự nhiên.
- Tìm x nguyên âm để P nhận giá trị lớn nhất.

Bài 1.5: Cho biểu thức $Q = \left(1 - \frac{x-11}{x+1}\right) : \left(\frac{3+x}{x-3} - \frac{36}{9-x^2} - \frac{x-3}{x+3}\right)$ với $x \neq 3$; $x \neq -3$.

- Rút gọn Q .
- Tính giá trị của Q biết $2x^2 + 6x = 0$.

Bài 1.6: Cho biểu thức $A = \frac{x^2 + 2x}{x^2 - 4x + 4} : \left(\frac{x+2}{x} - \frac{1}{2-x} + \frac{6-x^2}{x^2 - 2x}\right)$ với $x \neq 0$; $x \neq 2$; $x \neq -2$.

- Rút gọn A .
- Tính giá trị của A biết $|2x+1| = 3$.
- Tìm các giá trị x nguyên để A nhận giá trị nguyên

DẠNG 2: XÁC SUẤT

Bài 2.1: Viết ngẫu nhiên một số tự nhiên có hai chữ số nhỏ hơn 50

- Có bao nhiêu cách viết ngẫu nhiên một số tự nhiên như vậy?
- Tính xác suất của mỗi biến cố sau:
 - “Số tự nhiên được viết ra là số lẻ”
 - “Số tự nhiên được viết ra là số chia hết cho cả 2 và 5”
 - “Số tự nhiên được viết ra là bình phương của một số tự nhiên”.

Bài 2.2:

a) Gieo một con xúc xắc 45 lần liên tiếp, có 15 lần xuất hiện mặt 1 chấm. Tính xác suất thực nghiệm của biến cố “Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt 1 chấm”.



b) Gieo một con xúc xắc 28 lần liên tiếp, có 16 lần xuất hiện mặt 4 chấm. Tính xác suất thực nghiệm của biến cố “Mặt xuất hiện của xúc xắc là mặt 4 chấm”

Bài 2.3: Một hộp có 15 chiếc thẻ cùng loại, mỗi thẻ được ghi một trong các số nguyên dương không vượt quá 15, hai thẻ khác nhau thì ghi hai số khác nhau. Lấy ngẫu nhiên một chiếc thẻ từ trong hộp, ghi lại số của thẻ lấy ra và bỏ lại thẻ đó vào hộp. Sau 30 lần lấy thẻ liên tiếp, thẻ ghi số 3 được lấy ra 5 lần, thẻ ghi số 5 được lấy ra 2 lần.

- Tính xác suất thực nghiệm của biến cố “Thẻ lấy ra ghi số 3” trong trò chơi trên.
- Tính xác suất thực nghiệm của biến cố “Thẻ lấy ra ghi số 3” trong trò chơi trên.
- Nêu mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của biến cố “Thẻ rút ra ghi số là hợp số” với xác suất của biến cố đó khi số lần rút thẻ ngày càng lớn.

DẠNG 3: HÀM SỐ VÀ ĐỒ THỊ CỦA HÀM SỐ BẬC NHẤT

Bài 3.1: Cho hàm số $y = (2m+1)x + m - 5$

- Với giá trị nào của m thì y là hàm số bậc nhất.
- Tìm m để đồ thị hàm số đi qua điểm $A(2;7)$. Vẽ đồ thị hàm số với giá trị m tìm được.
- Tìm m để đồ thị hàm số cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng -4. Vẽ đồ thị hàm số với giá trị m tìm được.
- Tìm m để đồ thị hàm số cắt trục hoành tại điểm có hoành độ bằng 5. Vẽ đồ thị hàm số với giá trị m tìm được.

Bài 3.2: Cho hàm số: $y = ax + 2$.

- Xác định a , biết đồ thị hàm số song song với đường thẳng $y = -x$.
- Vẽ đồ thị hàm số tìm được ở câu a. Tính diện tích tam giác được tạo bởi đồ thị hàm số và các trục tọa độ.

Bài 3.3:

a) Vẽ đồ thị của các hàm số $d_1: y = -x + 4$ và $d_2: y = x - 4$ trong cùng một mặt phẳng tọa độ.

b) Gọi A, B lần lượt là giao điểm của đường thẳng d_1, d_2 với trục tung và giao điểm của hai đường thẳng là C . Tìm tọa độ giao điểm A, B, C .

c) Tính diện tích tam giác ABC .

DẠNG 4: PHƯƠNG TRÌNH**GIẢI BÀI TOÁN BẰNG CÁCH LẬP PHƯƠNG TRÌNH**

Bài 4.1: Giải các phương trình sau

a) $5x + 15 = 0$ b) $3x - 2 = 0$ c) $18 - 2x = 0$ d) $-2x + 7 = 0$
 e) $0,25x + 7,5 = 0$ f) $10,36 - 3,7x = 0$ g) $23x - 92 = 0$ h) $2x - 4(x + 3) = 0$

Bài 4.2: Giải các phương trình sau:

a) $2x + (-5 + x) = 5 - (7x - 4)$ b) $2(3x + 2) - 9x = 13 - 2(x - 5)$
 c) $3(x - 3) + 7 = 5 - (1 + 2x)$ d) $5x - (x + 3) = -(2x + 1) + 2024$

Bài 4.3: Giải các phương trình sau:

a) $\frac{2x-1}{2} = \frac{5x-2}{3}$ b) $\frac{1+3x}{4} = \frac{2-x}{6}$ c) $\frac{2x+3}{5} = \frac{3x-5}{10}$ d) $\frac{x}{3} - \frac{x+1}{4} = \frac{3x}{6} - 2x$

Bài 4.4: Giải các phương trình sau:

a) $5x^2 - 2x(x + 1) = 3x^2 + 1 + 8$ b) $(x - 1)(x + 3) = (x - 5)^2 + 6x$
 c) $x(9x - 7) - 5 = (3x + 2)(3x - 2) - 10x$ d) $(x - 2)(2x + 1) = (2x + 3)^2 - 2x^2$

Bài 4.5: Một người đi xe máy từ A đến B với vận tốc 45km/h . Lúc về người đó đi với vận tốc 40km/h nên thời gian về nhiều hơn thời gian đi là 10 phút. Tính quãng đường AB

Bài 4.6: Một người đi xe máy từ A đến B với vận tốc trung bình 30km/h . Khi đến B người đó nghỉ 20 phút rồi quay về A với vận tốc trung bình 25km/h . Tính quãng đường AB , biết rằng thời gian cả đi và về là 5 giờ 50 phút.

Bài 4.7: Một ô tô đi từ Hà Nội đến Đền Hùng với vận tốc trung bình 30km/h . Trên quãng đường từ Đền Hùng về Hà Nội, vận tốc ô tô tăng thêm 10km/h nên thời gian về ngắn hơn thời gian đi là 36 phút. Tính quãng đường từ Hà Nội đến Đền Hùng.

Bài 4.8: Một công nhân dự kiến làm 60 sản phẩm trong một ngày. Do cải tiến kỹ thuật, anh đã làm được 80 sản phẩm một ngày. Vì vậy, anh đã hoàn thành kế hoạch sớm 2 ngày và còn làm thêm được 40 sản phẩm nữa. Tính số sản phẩm anh công nhân phải làm theo kế hoạch.

Bài 4.9: Một tổ dự định mỗi giờ dệt 28m vải. Nhưng thực tế mỗi giờ, tổ đó đã dệt ít hơn 4m vải. Do vậy, tổ đã làm quá thời gian dự định 2 giờ mà còn thiếu 5m vải nữa mới hoàn thành kế hoạch. Tính số vải tổ đó phải dệt theo kế hoạch.

Bài 4.10: Theo kế hoạch hai tổ sản xuất 600 sản phẩm trong một thời gian nhất định. Do áp dụng kỹ thuật mới nên tổ I đã sản xuất vượt mức kế hoạch là 18% và tổ II vượt mức 21%. Vì vậy trong thời gian quy định họ đã hoàn thành vượt mức 120 sản phẩm. Hỏi số sản phẩm được giao của mỗi tổ là bao nhiêu?

Bài 4.11: Một khu vườn hình chữ nhật có chu vi là 48m . Nếu tăng chiều rộng lên 4 lần và chiều dài lên 3 lần thì chu vi của khu vườn sẽ là 162m . Hãy tìm diện tích của khu vườn ban đầu.

Bài 4.12: Một hình chữ nhật có chu vi là 78 cm. Nếu giảm chiều dài đi 3 cm và tăng chiều rộng thêm 4 cm thì hình chữ nhật trở thành hình vuông. Tính diện tích của hình chữ nhật ban đầu.

Bài 4.13: Hai giá sách có 140 quyển sách, nếu chuyển 10 quyển từ giá sách thứ nhất sang giá sách thứ hai thì số sách ở giá thứ nhất bằng $\frac{2}{5}$ số sách ở giá thứ hai. Tìm số sách ở mỗi giá.

DẠNG 5. HÌNH HỌC

Bài 5.1: Cho tam giác ABC nhọn. Kẻ các đường cao BD và CE cắt nhau tại H .

- Chứng minh $AD \cdot AC = AE \cdot AB$.
- Chứng minh $\triangle ADE \sim \triangle ABC$.
- Chứng minh $BH \cdot BD + CH \cdot CE = BC^2$.

Bài 5.2: Cho hình bình hành $ABCD$, điểm F trên cạnh BC . Tia AF cắt BD và DC lần lượt tại E và G . Chứng minh rằng:

- $\triangle BEF \sim \triangle DEA$ và $\triangle BEA \sim \triangle DEG$.
- $EA^2 = EG \cdot EF$
- $BF \cdot DG$ không đổi khi điểm F thay đổi trên cạnh BC .

Bài 5.3: Cho $\triangle ABC$ vuông tại A , có $AB = 6\text{cm}$, $AC = 8\text{cm}$; đường cao AH ($H \in BC$)

- Tính độ dài BC .
- Chứng minh $\triangle ABC \sim \triangle HBA$, tính AH, BH .
- Đường phân giác của ABC cắt AC tại I . Gọi K là giao điểm của AH và BI . Chứng minh: $\angle AIB = \angle HKB$ và $AI^2 = IC \cdot KH$.

Bài 5.4: Cho tam giác $\triangle ABC$ cân tại A , có H là trung điểm của cạnh BC . Vẽ HI vuông góc với AC (H thuộc cạnh AC), gọi O là trung điểm của HI . Chứng minh:

- $\triangle CHA \sim \triangle CIH$, từ đó suy ra $\frac{CH}{CI} = \frac{HA}{IH}$.
- $\triangle BIC \sim \triangle AOH$.
- $AO \perp BI$.

Bài 5.5: Cho $\triangle ABC$ vuông tại A , đường cao $AH, H \in BC$.

- Chứng minh $\triangle HAB \sim \triangle HCA$.
- Gọi M là trung điểm của AC . Từ H kẻ đường thẳng song song với AC , đường thẳng này cắt AB tại D và cắt BM tại I . Chứng minh:
 - I là trung điểm của DH .
 - Gọi K là giao điểm của AH và CD . Chứng minh $DI \cdot KC = DK \cdot MC$.
 - Chứng minh ba điểm B, K, M thẳng hàng.

Bài 5.6: Cho tam giác ABC có 3 góc nhọn ($AB < AC$). Đường cao AD, BE, CF cắt nhau tại điểm H .

- Chứng minh: $BF \cdot BA = BD \cdot BC$ và $\angle BFD = \angle BCA$
- Chứng minh rằng: $HB \cdot HE = HC \cdot HF$ và $\angle FEB = \angle FCB$
- Chứng minh: $BF \cdot BA + CH \cdot CF = BC^2$
- Gọi I là giao điểm của EF và BC . O là trung điểm của đoạn thẳng BC . Chứng minh rằng: $IO \cdot ID = IB \cdot IC$

Bài 5.7: Cho tam giác ABC vuông tại A ($AB < AC$). Kẻ đường cao AH , phân giác BD . Gọi I là giao điểm của AH và BD .

- Chứng minh $\triangle ABD \sim \triangle HBI$.
- Chứng minh: $AH^2 = HB \cdot HC$. Tính AB khi $BH = 9\text{cm}$, $HC = 16\text{cm}$.
- Chứng minh: $\triangle AID$ cân và $DA^2 = DC \cdot IH$.
- Gọi K là hình chiếu của C trên BD , P là hình chiếu của K trên AC , Q là trung điểm của BC . Chứng minh K, P, Q thẳng hàng.

Bài 5.8: Cho tam giác ABC vuông tại A có $AB > AC$, M là một điểm tùy ý trên BC . Qua M kẻ đường thẳng vuông góc với BC cắt đoạn AB tại I và cắt tia CA tại D . Chứng minh rằng:

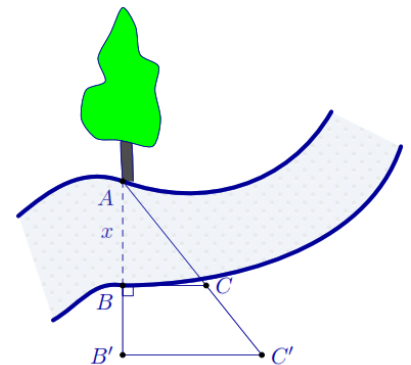
- $\triangle ABC \sim \triangle MDC$
- $BI \cdot BA = BM \cdot BC$.
- CI cắt BD tại K . Chứng minh: $BI \cdot BA + CI \cdot CK$ không phụ thuộc vào vị trí của điểm M
- $MAI = BDI$, từ đó suy ra AB là tia phân giác của MAK .

Bài 5.9: Cho hình vuông $ABCD$ và một điểm E bất kì trên cạnh BC . Kẻ tia Ax vuông góc với AE cắt CD tại F . Kẻ trung tuyến AI của tam giác AFE và kéo dài cắt CD tại K . Qua E kẻ đường thẳng song song với AB cắt AK tại G . Chứng minh rằng:

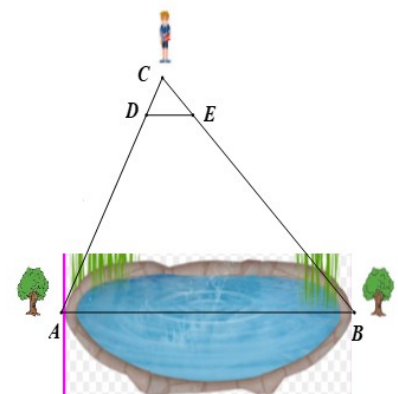
- $AE = AF$
- Tứ giác $EGKF$ là hình thoi.
- Tam giác FIK đồng dạng tam giác FCE .
- $EK = BE + DK$ và khi E chuyển động trên BC thì chu vi tam giác ECK không thay đổi.

Bài 5.10: Người ta tiến hành đo đạc các yếu tố cần thiết để tính chiều rộng của một khúc sông mà không cần phải sang bờ bên kia sông (hình vẽ bên). Biết $BB' = 20\text{m}$, $BC = 30\text{m}$ và $B'C' = 40\text{m}$.

Tính độ rộng x của khúc sông.

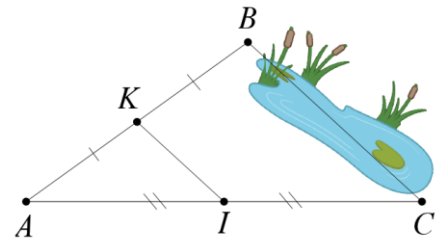


Bài 5.11: Bạn Mai đo được khoảng cách từ vị trí mình đứng (điểm C) đến cây A và cây B ở hai phía của hồ nước lần lượt là $AC = 36\text{m}$ và $BC = 42\text{m}$ (hình vẽ). Để tính khoảng cách AB , bạn Mai xác định điểm D nằm giữa hai điểm A, C và điểm E nằm giữa hai điểm B, C sao cho $CD = 6\text{m}$, $CE = 7\text{m}$ và đo khoảng cách giữa D và E . Nếu $DE = 8\text{m}$ thì khoảng cách giữa cây A và cây B là bao nhiêu mét?



Bài 5.12: Giữa hai điểm B và C bị ngăn cách bởi hồ nước (như hình dưới). Hãy xác định độ dài BC mà không cần phải bơi qua hồ. Biết rằng đoạn thẳng KI

dài $30m$ và K là trung điểm của AB , I là trung điểm của AC .



DẠNG 6: MỘT SỐ BÀI TẬP NÂNG CAO

Bài 6.1: Tìm giá trị nhỏ nhất của: $A = 2x^2 + 2xy + y^2 - 2x + 2y$

Bài 6.2: Tìm giá trị lớn nhất của:

$$A = \frac{3x^2 + 14}{x^2 + 4}$$

$$B = \frac{x^2}{x^4 + x^2 + 1}$$

Bài 6.2: Cho x, y, z là các số thực dương thỏa mãn $\frac{1}{x} + \frac{1}{y} + \frac{1}{z} = 3$.

Tìm giá trị lớn nhất của biểu thức $A = \frac{1}{2x+y+z} + \frac{1}{x+2y+z} + \frac{1}{x+y+2z}$

Bài 6.4: Cho a, b, c là ba số dương, chứng minh: $a+b+c \left(\frac{1}{a} + \frac{1}{b} + \frac{1}{c} \right) \geq 9$

Áp dụng để tìm giá trị nhỏ nhất của $Q = \frac{a}{b+c} + \frac{b}{c+a} + \frac{c}{a+b}$

Bài 6.5: Chứng minh rằng: $\frac{1}{2^2} + \frac{1}{3^2} + \dots + \frac{1}{n^2} < \frac{n-1}{n}$ với $n \in \mathbb{N}, n > 1$.

Bài 6.6: Cho các số dương a, b, c, d .

Chứng minh rằng $1 < \frac{a}{a+b+c} + \frac{b}{b+c+d} + \frac{c}{c+d+a} + \frac{d}{d+a+b} < 2$



A. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA: (Thời gian làm bài: 90 phút)

- Phần đọc hiểu (4 điểm): Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa Ngữ văn 8 Cánh diều.
- Phần viết (6 điểm): + Đoạn văn (2 điểm)
+ Bài văn (4 điểm)

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. Văn bản

1. Truyện lịch sử và tiểu thuyết

Nhận biết và phân tích được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện đa tuyến và đơn tuyến, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ,...) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ của người kể chuyện,...) trong truyện lịch sử và tiểu thuyết.

2. Nghị luận văn học

Nhận biết được đặc điểm hình thức (cách thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng,...) và nội dung (mục đích, giá trị, ý nghĩa,...) của một văn bản nghị luận văn học; chỉ ra được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng.

II. Thực hành tiếng Việt

* **Yêu cầu:** Ôn lại các kiến thức tiếng Việt đã học.

- Hiểu được đặc điểm, tác dụng và biết sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh.
- Nhận biết được câu khẳng định, câu phủ định; sử dụng đúng câu khẳng định, câu phủ định trong viết đoạn văn.
- Nhận biết và hiểu tác dụng của các thành phần biệt lập trong câu; biết bổ sung thành phần biệt lập khi cần thiết.

III. Thực hành viết

- Viết đoạn văn nêu cảm nhận về một chi tiết, một đoạn thơ hoặc một nhân vật... trong tác phẩm văn học.
- Viết bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí hoặc phân tích một tác phẩm thơ.

C. BÀI THAM KHẢO

PHẦN I. ĐỌC - HIỂU

Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu:

Gần trưa, Chiêu Minh vương hộ tống nhà vua tiền Trần Quốc Tuấn ra bến Đông làm lễ tế cờ xuất sư. [...] Không khí trang trọng đến tức thở. Nhân Tông vái Trần Quốc Tuấn và phán:

- Từ nay việc an nguy của giang sơn xã tắc trăm xin trao cho Quốc công.

Trần Quốc Tuấn nghiêm trang đáp lễ:

- Lão thần thề không để nhục mệnh của bệ hạ.

Nhân Tông ban kiếm Thượng Phương, trao quyền chém trước tâu sau cho Trần Quốc Tuấn. Nhà vua chăm chú nhìn vị tướng già và thấy Trần Quốc Tuấn quắc thước lạ lùng.

Từ trên đài cao, Trần Quốc Tuấn lặng nhìn các đội quân hàng ngũ chỉnh tề bên dưới. [...] Trần Quốc Tuấn thấy tất cả sức mạnh của dân tộc từ nghìn xưa truyền lại nâng cao tâm hồn ông lên khiến cho hai vai ông dư sức gánh sứ mệnh nặng nề. Ông thét lớn:

- Bớ ba quân!

Tiếng dạ vang dậy kinh thành và sông nước.

Trần Quốc Tuấn lại thét tiếp:

- Quan gia đã hạ chỉ cho ta lĩnh cờ tiết chế cùng các người xuất sư phá giặc. Kiếm Thượng Phụng đây! -Trần Quốc Tuấn nâng cao kiếm lên khỏi đầu.

- Ai trái mệnh, phản dân, hại nước, ta sẽ nghiêm trị không tha.

Quân sĩ lại đồng thanh dạ ran. Nhân Tông vẫy Dã Tượng lại gần, cầm lấy cái gậy trúc xương cá của Trần Quốc Tuấn. Nhà vua ân cần trao cây gậy cho vị tướng già và dặn dò: [...]

- Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trăm, vì đất nước và trăm họ mà giữ gìn sức khỏe.

(Trích *Trên sông truyền hịch*, Hà Ân)

Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào? Văn bản kể về sự kiện gì?

Câu 2. Xét về hình thức, câu văn “Ai trái mệnh, phản dân, hại nước, ta sẽ nghiêm trị không tha.” thuộc kiểu câu gì?

Câu 3. Nêu một số chi tiết mà tác giả đã sử dụng để khắc họa về Trần Quốc Tuấn. Từ đó, nhận xét về tính cách, phẩm chất của nhân vật ấy?

Câu 4. Đoạn trích giúp em hiểu thêm điều gì về tâm lòng của những người con nước Việt khi đất nước có giặc ngoại xâm?

PHẦN II. VIẾT

Câu 1. Viết đoạn văn khoảng 9 câu, cảm nhận về một chi tiết gây ấn tượng với em trong đoạn trích ở phần Đọc-hiểu.

Câu 2. Văn bản được trích “Trên sông truyền hịch” gọi cho ta sự trân trọng, biết ơn những con người sẵn sàng xả thân vì đất nước.

Bằng hiểu biết xã hội và trải nghiệm của bản thân, hãy viết bài văn nghị luận khoảng 400 chữ trình bày suy nghĩ về **vai trò của đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” đối với các bạn trẻ hiện nay.**

Choose the letter A, B, C, or D to indicate the word that differs from the other three in the position of the primary stress in each of the following questions.

Question 8.

- A. tornado B. natural C. dangerous D. property

Question 9.

- A. Chinese B. network C. future D. private

Choose the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 10. When a volcano _____, hot gases and lava run down.

- A. blows B. erupts C. throws D. moves

Question 11. By using _____, you can attend a meeting with your 3D image instead of being there in person.

- A. holography B. voice messages C. social networks D. emoji

Question 12. Last week, a tornado struck Hue and _____ many homes

- A. destroyed B. destroying C. destroy D. destruction

Question 13. Minh: "Late last night, a flood hit our area and caused severe damage".

John: " _____ "

- A. That's awful B. Hold on C. That's fantastic D. Congratulations

Question 14. While I _____ in the sea, I saw a beautiful turtle.

- A. am snorkelling B. was snorkelling C. snorkelled D. were snorkelling

Question 15. How _____ ethnic groups live on the northern areas of Viet Nam?

- A. much B. long C. far D. many

Four phrases/sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that fits each of the numbered blanks the most.

- A. Using less electricity by turning off lights when not needed is a good habit
 B. can take hundreds of years to decompose
 C. It helps to keep our environment clean and reduces the need for new materials
 D. Trees play a critical role in cleaning the air we breathe

There are many ways to help protect the environment. One simple action is to reduce the use of plastic bags, which (16) Instead, people can use cloth bags that can be reused many times. Another way is to save electricity. (17) This not only helps the environment but also saves money on electricity bills. Planting more trees is another important action. (18) Trees absorb carbon dioxide and release oxygen, which is essential for life. Finally, supporting recycling programs is key. (19) Recycling helps reduce waste and conserves natural resources.

Question 16. **Question 17.** **Question 18.** **Question 19.**

Read the following advertisement and choose the letter A, B, C, or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks.

Do you speak English?

Are you interested in museums?

Would you like a holiday job where you could meet people from all over (20) _____ world?

We are looking (21) _____ someone to work in the City Museum shop during the holidays.

No experience is necessary but you must be (22) _____ and helpful and have some interest in art.

Question 30. How many examples are there in the passage of people reducing car use?

- A. Two. B. Three. C. Four. D. Five.

Question 31. The word "**improved**" in the first paragraph probably means

- A. got worse B. reduced C. became better D. maintained

Question 32. What is the best title for this passage?

- A. Reducing the Use of Cars in Britain
B. The Disadvantages of Cars
C. How People are Reducing Smog in Britain
D. Smog in Britain: Past and Present

Choose the letter A, B, C, or D to indicate the sentence that has the closest meaning to the sentence provided.

Question 33. "I will visit my grandma this Saturday." Ann said.

- A. Ann said that she would visit my grandma that Saturday.
B. Ann said that she will visit my grandma this Saturday.
C. Ann said that she will visit her grandma this Saturday.
D. Ann said that she would visit her grandma that Saturday.

Question 34. John is very sad because he fails the final exam.

- A. John is very sad, so he fails the final exam.
B. John is very sad but he fails the final exam.
C. John fails the final exam, so he is very sad.
D. Although John is very sad, he fails the final exam.

Question 35. "How many stars are there in our galaxy?" Tom asked.

- A. Tom asked how many stars there were in our galaxy.
B. Tom asked how many stars are there in our galaxy.
C. Tom asked how many would stars be there in our galaxy.
D. Tom asked how many stars having in our galaxy.

Question 36: "Where did you go last night?" the Mom talked to the son.

- A. The mom talked to the son where he had gone the previous night.
B. The mom asked the son where he had gone the previous night.
C. The mom talked to the son where had he gone the previous night.
D. The mom asked the son where had he gone previous night.

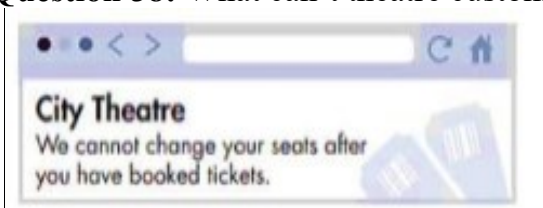
Choose the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 37: What does the sign mean?



- A. The door should always be open and you should never lock it unless there is no one around.
B. You should always make sure to close the door after use, always close it.
C. Only open the door at specific times when allowed and close it otherwise.
D. You should leave the door open at all times and never close it.

Question 38: What can't theatre customers do?



- A. Ask for different seats after they've paid
B. Choose where they sit before they book
C. Get their money back on tickets
D. Buy tickets at the City Theatre

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

Question 39. The local news talked about a new library project. The details are as follows. _____

- a. Many people visited the library and used the resources often.
- b. The town decided to build a new library to help students and families.
- c. The library offered free books and study materials for everyone.

A. b-a-c B. a-b-c C. c-b-a D. b-c-a

Question 40. Choose the sentence that you can end the text (in question 1) most appropriately.

- A. The library became a popular place for learning and meeting friends.
- B. The library organized reading competitions for children.
- C. The town planned to build more libraries in other areas.
- D. The library faced problems with damaged books.

All the best for your exams!

UBND PHƯỜNG NGỌC HÀ
TRƯỜNG THCS THỐNG NHẤT



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 8
Năm học 2025 – 2026

A. Lý thuyết

I. Chất và sự biến đổi chất

Bài 11. Oxide

Bài 12. Muối

II. Năng lượng và sự biến đổi

Bài 24. Năng lượng nhiệt

Bài 25. Truyền năng lượng nhiệt.

III. Vật sống.

Bài 38. Môi trường và các nhân tố sinh thái

Bài 39. Quần thể sinh vật

Bài 40. Quần xã sinh vật

B. Bài tập tham khảo

I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Trong các chất: NaCl, CaO, H₂SO₄, CO₂, MgO, CuO, số lượng oxide là

- A.1. B.2. C.3. D.4

Câu 2. Sodium hydroxide (NaOH) ở dạng rắn là chất hút nước mạnh, có thể dùng để làm khô một số chất khí có lẫn hơi nước và không phản ứng với NaOH. Không dùng NaOH rắn để làm khô khí nào trong số các khí dưới đây?

- A. Khí N₂ bị lẫn hơi nước. B. Khí CO bị lẫn hơi nước.
C. Khí SO₂ bị lẫn hơi nước D. Khí H₂ bị lẫn hơi nước

Câu 3. Trong các muối NaCl, CaCO₃, KNO₃, BaSO₄, CuSO₄, AgCl, MgCO₃, số lượng muối tan trong nước là

- A.3. B.4. C.5. D.6.

Câu 4. Tên gọi carbon dioxide ứng với công thức nào sau đây?

- A. CO₂. B. CO. C. C₂O. D. H₂CO₃.

Câu 5. Chất nào sau đây tác dụng được với dung dịch HCl?

- A. Fe₂O₃. B. NaCl. C. CO₂. D. HNO₃.

Câu 6. Phản ứng nào sau đây không tạo ra muối?

- A. Acid tác dụng với base. B. Kim loại tác dụng với oxygen.
C. Acid tác dụng với oxide base. D. Base tác dụng với oxide acid.

Câu 7. Môi trường sống của sinh vật là gì?

- A. Là môi trường sinh sống của sinh vật.
B. Môi trường sống của sinh vật bao gồm các môi trường xung quanh sinh vật, có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp lên quá trình sinh sản và phát triển của sinh vật.
C. Môi trường sống của sinh vật bao gồm các môi trường xung quanh sinh vật, có tác động trực tiếp lên quá trình sinh sản và phát triển của sinh vật.
D. Môi trường sống của sinh vật là nơi không tác động lên quá trình sinh sản và phát triển của sinh vật.

Câu 8. Bọ chét sống trên da chó, mèo là đang sống ở loại môi trường nào?

- A. Môi trường nước B. Môi trường sinh vật
C. Môi trường đất D. Môi trường không khí.

Câu 9. Khi nói về môi trường sống và các nhân tố sinh thái, phát biểu nào dưới đây **không** đúng?

- A. Giới hạn sinh thái là không gian sinh thái mà ở đó tất cả các nhân tố sinh thái đều phù hợp cho sinh vật.

B. Khoảng thuận lợi là khoảng của các nhân tố sinh thái ở mức độ phù hợp, đảm bảo cho sinh vật thực hiện các chức năng sống tốt nhất.

C. Môi trường tác động lên sinh vật, đồng thời sinh vật cũng ảnh hưởng đến các nhân tố sinh thái, làm thay đổi tính chất của các nhân tố sinh thái.

D. Tất cả các nhân tố sinh thái gắn bó chặt chẽ với nhau thành một tổ hợp sinh thái tác động lên sinh vật.

Câu 10. Tập hợp sinh vật nào sau đây gọi là quần thể sinh vật?

A. Tập hợp cá sông trong Hồ Tây.

B. Tập hợp cá Cóc sống trong Vườn Quốc Gia Tam Đảo.

C. Tập hợp cây thân leo trong rừng mưa nhiệt đới.

D. Tập hợp cỏ dại trên một cánh đồng.

Câu 11. Trong số các phát biểu dưới đây về đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật, phát biểu nào chính xác?

A. Mật độ cá thể của quần thể đặc trưng cho mỗi quần thể và ảnh hưởng đến xu hướng phát triển của quần thể.

B. Mỗi quần thể sinh vật có kích thước đặc trưng và ổn định, không phụ thuộc vào điều kiện sống.

C. Tỷ lệ giới tính của quần thể là đặc trưng quan trọng đảm bảo hiệu quả sinh sản của quần thể, loại trừ các loài động vật không xương sống có tỷ lệ giới tính biến động phức tạp, ở các loài động vật có xương sống, tỷ lệ giới tính đều là 1 : 1.

D. Khi kích thước quần thể đạt tối đa thì tốc độ tăng trưởng của quần thể là lớn nhất.

Câu 12. Khi nhiệt độ của vật tăng lên thì

A. nội năng của vật giảm.

B. động năng của các phân tử cấu tạo nên vật giảm.

C. động năng của các phân tử cấu tạo nên vật tăng.

D. thế năng của các phân tử cấu tạo nên vật tăng.

Câu 13. Tại sao hòa tan đường trong nước nóng nhanh hơn trong nước lạnh?

A. Vì nước nóng có nhiệt độ cao hơn nước lạnh, các phân tử đường chuyển động chậm hơn nên đường dễ hòa tan hơn.

B. Vì nước nóng có nhiệt độ cao hơn nước lạnh nên làm cho các phân tử đường và nước chuyển động nhanh hơn.

C. Vì nước nóng có nhiệt độ cao hơn nước lạnh nên làm cho các phân tử nước hút các phân tử đường mạnh hơn.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 14. Nhiệt năng của một vật là

A. hiệu thế năng của các phân tử cấu tạo nên vật.

B. hiệu động năng của các phân tử cấu tạo nên vật.

C. tổng thế năng của các phân tử cấu tạo nên vật.

D. tổng động năng của các phân tử cấu tạo nên vật

Câu 15. Đối lưu là hình thức truyền nhiệt

A. chỉ của chất khí.

B. của chất khí và chất lỏng.

C. chỉ của chất lỏng.

D. của chất lỏng và chất rắn.

Câu 16. Bức xạ nhiệt là

A. sự truyền nhiệt qua chất rắn.

B. sự truyền nhiệt qua không khí.

C. sự truyền nhiệt bằng các tia nhiệt đi thẳng.

D. sự truyền nhiệt bằng các tia nhiệt đi theo đường gấp khúc.

Câu 17. Đứng gần một bếp lửa, ta cảm thấy nóng. Nhiệt lượng truyền từ ngọn lửa đến người bằng cách nào?

- A. Sự đối lưu. B. Sự dẫn nhiệt của không khí.
 C. Sự bức xạ nhiệt. D. Chủ yếu là bức xạ nhiệt, một phần do dẫn nhiệt.

II. Trắc nghiệm đúng sai

Câu 1. Calcium carbonate là thành phần chính của đá vôi.

- A. Calcium carbonate có công thức hóa học là CaCO_2
 B. Calcium carbonate là muối không tan trong acid nhưng tan trong nước
 C. Calcium carbonate có thành phần khối lượng Calcium là 50%.
 D. Calcium carbonate tác dụng với Hydrochloric acid tạo ra chất khí nhẹ hơn không khí.

Câu 2. Bauxite là một loại quặng, thành phần chính có chứa aluminium oxide

- A. Aluminium oxide là oxide base; có công thức là Al_2O_3
 B. Aluminium oxide có phần trăm khối lượng Al là 52,94%.
 C. Aluminium oxide có khả năng tác dụng với cả acid và base.
 D. Aluminium oxide ở dạng khan, có thể dùng làm đá mài, giấy nhám...

Câu 3. Khi nói về giới hạn sinh thái, có bao nhiêu phát biểu đúng?

- A. Giới hạn sinh thái là khoảng giá trị xác định của một nhân tố sinh thái mà trong đó khoảng sinh vật có thể tồn tại được và phát triển theo thời gian.
 B. Ở trong khoảng cực thuận, sinh vật phát triển tốt nhất.
 C. Ở trong khoảng chống chịu, sinh vật không thể tồn tại được.
 D. Biết được giới hạn sinh thái của một loài có thể suy ra vùng phân bố của loài đó, từ đó có biện pháp chăm sóc hợp lí.

Câu 4. Dạng sinh vật nào thuộc loài ưu thế trong các nhóm sinh vật sau?

- A. Thực vật có hạt trong các quần xã trên cạn.
 B. Cây tràm trong quần xã rừng U Minh.
 C. Bò rừng Bizông sống trong các quần xã ở đồng cỏ Bắc Mỹ.
 D. Cây cọ trong quần xã vùng đồi Phú Thọ.

Câu 5. Phát biểu nào đúng/sai?

- A. Giữa các nguyên tử, phân tử không có khoảng cách.
 B. Nguyên tử là hạt chất nhỏ nhất.
 C. Phân tử là một nhóm các nguyên tử kết hợp lại.
 D. Các chất được cấu tạo từ các hạt nhỏ riêng biệt gọi là các nguyên tử, phân tử.

Câu 6. Nhận định nào sau đây đúng/ sai khi nói về nội năng.

- A. Nội năng là một dạng năng lượng.
 B. Nội năng có thể chuyển hóa thành năng lượng khác.
 C. Nội năng là nhiệt lượng.
 D. Nội năng của một vật có thể tăng lên hoặc giảm đi.

III. Trắc nghiệm trả lời ngắn và tự luận

Câu 1.

a. Hãy phân loại và gọi tên các chất sau: H_2SO_4 ; NaOH ; K_3PO_4 ; CuCl_2 ; CuO ; Na_2O ; NaHSO_4

b. Cho các chất sau: MgO ; Fe_2O_3 ; BaSO_4 ; FeCl_2 ; SO_3 ; Na_2SO_4 .

- Chất nào tác dụng với HCl
- Chất nào tác dụng với $\text{Ba}(\text{OH})_2$
- Chất nào tác dụng với AgNO_3

Hãy lập phương trình hóa học.

Câu 2.

a. Kim loại M có hoá trị II có khối lượng 1,3 gam tác dụng vừa đủ với dung dịch H_2SO_4 , sau phản ứng thu được 0,4958 lít khí H_2 (đkc). Tìm M?

b. Hòa tan hoàn toàn một thanh Fe vào dung dịch 500 gam H_2SO_4 9,8% loãng vừa đủ. Hãy tính khối lượng muối thu được?

c. Cho 6,5 gam Zn tác dụng với dung dịch chứa 150 ml $CuSO_4$ 0,2M sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn hãy tính khối lượng của Cu thu được?

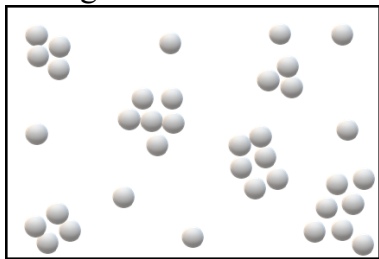
d. CaO được sử dụng nhiều trong sản xuất nông nghiệp và công nghiệp. Phương pháp phổ biến để sản xuất CaO là nung vôi ($CaCO_3$), phương trình hóa học của phản ứng xảy ra như sau:

$CaCO_3 \rightarrow CaO + CO_2$. Để tạo ra được 7 tấn CaO cần phải dùng bao nhiêu tấn quặng đá vôi (chứa 80% $CaCO_3$) và sinh ra bao nhiêu kg khí CO_2 ?

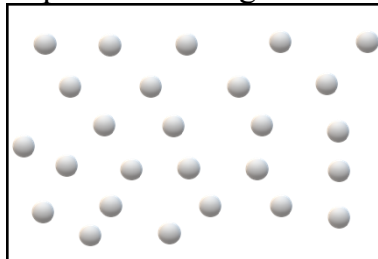
Câu 3.

a. Hãy nêu các kiểu phân bố của quần thể trong không gian (a), (b), (c) và lấy ví dụ minh họa.

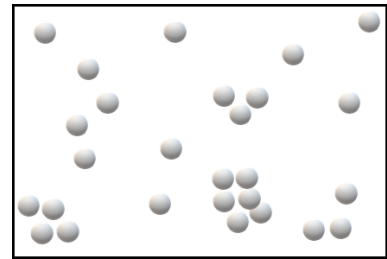
b. Ý nghĩa sinh thái của các kiểu phân bố đó là gì?



(a)



(b)



(c)

Câu 4.

a. Phân biệt quần thể sinh vật và quần xã sinh vật.

b. Em hãy kể tên một số biện pháp bảo vệ quần thể và quần xã sinh vật.

Câu 5. Giải thích hiện tượng sau:

a. Tại sao xoong nồi thường được làm bằng kim loại, bát đĩa làm bằng sứ?

b. Tại sao mùa hè thường mặc áo màu sáng, mùa đông mặc áo màu tối?

c. Tại sao đường tan nhanh trong nước nóng, tan chậm trong nước lạnh?

Câu 6.

a. Một ấm nhôm có khối lượng 500g đựng 2,5 lít nước ở nhiệt độ $30^\circ C$.

Tính nhiệt lượng thu vào để nước sôi.

b. Một thanh đồng có khối lượng 4,5 kg. Tính nhiệt lượng thu vào để thanh đồng nóng thêm $30^\circ C$

(biết nhiệt dung riêng của $C_{đồng} = 380 J/kg.K$, $C_{nhôm} = 880 J/kg.K$, $C_{nước} = 4200 J/kg.K$)

UBND PHƯỜNG NGỌC HÀ
TRƯỜNG THCS THỐNG NHẤT



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 2
NĂM HỌC: 2025-2026
PHÂN MÔN LỊCH SỬ 8

Nội dung ôn tập từ bài 16- bài 19

Kiến thức trọng tâm:

Bài 16: Việt Nam dưới thời Nguyễn (nửa đầu thế kỉ XIX)

- Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của Việt Nam thời nhà Nguyễn.

Bài 17: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược từ năm 1858 đến năm 1884.

- Quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam.

Bài 18: Phong trào chống Pháp trong những năm 1885-1896.

- Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương và cuộc khởi nghĩa Yên Thế .

Bài 19: Phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến năm 1917.

- Giới thiệu được những nét chính về hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành.

Câu hỏi minh họa

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Bộ máy hành chính nhà nước từ Trung ương xuống địa phương càng được hoàn thiện thông qua cuộc cải cách?

- A. Cải cách Hành chính
B. Cải cách bộ máy
C. Cải cách Minh Mạng
D. Đáp quân sự

Câu 2. Yên Thế thuộc địa phận của tỉnh nào?

- A. Bắc Giang
B. Bắc Ninh.
C. Hưng Yên.
D. Thanh Hóa.

Câu 3. Người được nhân dân tôn làm Bình Tây đại nguyên soái là ai?

- A. Trương Định.
B. Nguyễn Trung Trực.
C. Nguyễn Hữu Huân.
D. Trương Quyền.

Câu 4. Câu nói “ Bao giờ người tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây” là của ai?

- A. Trương Định
B. Trương Quyền
C. Nguyễn Trung Trực
D. Nguyễn Tri Phương

Câu 5. Tổng đốc thành Hà Nội năm 1882 là ai?

- A. Nguyễn Tri Phương.
B. Hoàng Diệu.
C. Nguyễn Lân.
D. Hoàng Kế Viêm.

Câu 6. Đội nghĩa binh do ai chỉ huy chiến đấu hi sinh đến người cuối cùng ở cửa ô Thanh Hà?

- A. Viên Chương Cơ
B. Phạm Văn Nghị
C. Nguyễn Mậu Kiến
D. Nguyễn Tri Phương.

Câu 7. Cuộc khởi nghĩa nông dân lớn nổ ra cùng thời với phong trào Cần vương là:

- A. Khởi nghĩa Phan Bá Vành.
B. Khởi nghĩa Yên Thế.
C. Khởi nghĩa Lê Văn Khôi.
D. Khởi nghĩa Trà Lũ.

Câu 8. Thực dân Pháp lấy cớ gì để tấn công Bắc Kỳ lần thứ hai?

- A. Triều đình không dẹp nổi các cuộc khởi nghĩa của nhân dân.
- B. Triều đình không bồi thường chiến phí cho Pháp.
- C. Trả thù sự tấn công của quân cờ đen.
- D. Triều đình vi phạm Hiệp ước 1874, giao thiệp với nhà Thanh.

Câu 9: Trước tình hình Quân triều đình ở thành Hà Nội thất bại, nhà Nguyễn đã?

- A. Bán nước cho nhà Thanh
- B. Đầu hàng Pháp
- C. Lo sợ, vội cử người sang cầu cứu nhà Thanh.
- D. Đáp án khác

Câu 10: Việc triều đình Huế kí Hiệp ước Giáp Tuất với Pháp đã gây ra?

- A. Sự bất bình sâu sắc trong nhân dân Việt Nam.
- B. Nhiều cuộc nổi dậy chống triều đình kết hợp với chống thực dân Pháp đã bùng nổ
- C. Cuộc khởi nghĩa của Trần Tuấn và Đặng Như Mai với khẩu hiệu “Dập diu trồng đánh cờ xiêu/ Phen này quyết đánh cả Triều lẫn Tây”
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 11: Cuộc kháng chiến tiêu biểu khi thực dân Pháp xâm lược Bắc Kỳ lần thứ nhất là?

- A. Cuộc chiến đấu của các đội nghĩa binh dưới sự chỉ huy của cha con Mậu Kiến (Thái Bình), Phạm Văn Nghị (Nam Định),...
- B. Quân triều đình phối hợp với quân cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc phục kích, tiêu diệt quân Pháp tại Cầu Giấy
- C. Cả hai đáp án trên đều đúng
- D. Đáp án khác

Câu 12: Lợi dụng sự bạc nhược của triều đình nhà Nguyễn, năm 1867, thực dân Pháp chiếm 3 tỉnh nào?

- A. Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên
- B. Long An, An Giang, Hà Tiên.
- C. Vĩnh Long, Tiền Giang, Hà Tiên
- D. Vĩnh Long, An Giang, Cà Mau

Câu 13: Sau khi Nhà Nguyễn kí hiệp ước Nhâm Tuất, Kinh tế đất nước suy kiệt do đâu?

- A. Thực dân Pháp vơ vét hết tài sản
- B. Thực dân Pháp bóc lột nhân dân ta
- C. Nhà Nguyễn chấp nhận bồi thường 280 vạn lạng bạc cho thực dân Pháp
- D. Nhà Nguyễn cống nộp toàn bộ tiền tài cho Pháp

Câu 14: Vì sao Nền độc lập, chủ quyền quốc gia bị xâm phạm nghiêm trọng sau khi Nhà Nguyễn kí hiệp ước Nhâm Tuất?

- A. Do nhà Nguyễn để thực dân Pháp toàn quyền cai trị đất nước
- B. Do nhà Nguyễn để thực dân Pháp nắm toàn bộ quyền lực trong bộ máy nhà nước
- C. Do nhà Nguyễn thừa nhận quyền cai trị của thực dân Pháp ở 3 tỉnh Đông Nam Á và đảo Côn Lôn
- D. Đáp án khác

Câu 15: Sau khi triều đình nhà Nguyễn kí Hiệp ước với Pháp thì nhân dân có thái độ gì?

- A. Phong trào nhanh chóng thất bại
- B. Phong trào bị dập tắt
- C. Phong trào kháng Pháp của nhân dân Đông Nam Kỳ diễn ra sôi nổi và ngày càng lan rộng
- D. Đáp án khác

Câu 16: Tháng 6/1862, triều đình nhà Nguyễn kí với Pháp bản Hiệp ước?

- A. Pari
- B. Hác măng
- C. Nhâm Tuất
- D. Giáp Tuất

Câu 12: Sau thất bại ở Đà Nẵng, Pháp chuyển quân vào?

- A. Đà Nẵng
- B. Bình Định
- C. Nam Kỳ
- D. Bắc Kỳ

Câu 17: Kế hoạch nào của Pháp bước đầu thất bại ở Bán đảo Sơn Trà?

- A. Vườn không nhà trống
- B. Đánh nhanh thắng nhanh
- C. Đánh nhanh rút gọn
- D. Đáp án khác

Câu 18: Ai là người chỉ đạo nhân dân cùng với quân đội triều đình đẩy lùi nhiều đợt tấn công, cầm chân liên quân Pháp - Tây Ban Nha ?

- A. Trương Định
B. Nguyễn Trung Trực
C. Nguyễn Tri Phương
D. Trương Quyền

Câu 19: Sáng 1/09/1858, Pháp nổ súng tấn công và đổ bộ?

- A. Thành Gia Định
B. Bán đảo Sơn Trà
C. Đại đồn Chí Hòa
D. Định Tường.

Câu 20: Lực lượng lãnh đạo của khởi nghĩa Yên Thế là?

- A. Các thủ lĩnh nông dân có uy tín, được nghĩa quân bầu lên.
B. Nông dân
C. Các trí thức yêu nước
D. Các văn thân, sĩ phu yêu nước

Câu 21: Lực lượng lãnh đạo của phong trào Cần Vương là?

- A. Nông dân
B. Các trí thức yêu nước
C. Các văn thân, sĩ phu yêu nước
D. Đáp án khác

Câu 22: Một số bài học kinh nghiệm có thể rút ra từ sự thất bại của phong trào Cần vương và khởi nghĩa Yên Thế là?

- A. Tập hợp, đoàn kết các cuộc đấu tranh thành một phong trào chung, rộng lớn và thống nhất trong cả nước.
B. Kết hợp nhiều hình thức, phương pháp đấu tranh.
C. Tận dụng yếu tố thuận lợi về địa hình để xây dựng căn cứ hoặc tổ chức chiến đấu.
D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 23: Mục tiêu cao nhất của khởi nghĩa Yên Thế và các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương là?

- A. Đánh đuổi thực dân Pháp
B. Giành độc lập dân tộc
C. Cả hai đáp án trên đều đúng
D. Đáp án khác

Câu 24: Cuộc khởi nghĩa nào là tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương?

- A. Bãi Sậy
B. Ba Đình
C. Hương Khê
D. Yên Thế

Câu 25: Đây là địa bàn hoạt động của khởi nghĩa Hương Khê?

- A. Hải Dương, Bắc Ninh, Quảng Ninh, ...
B. Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê
C. Vùng bãi sậy ở phủ Khoái Châu (Hưng Yên)
D. Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình

Câu 26: Khởi nghĩa Hương Khê do ai lãnh đạo?

- A. Phạm Bành
B. Đinh Công Tráng
C. Phan Đình Phùng, Cao Thắng.
D. Đáp án khác

II. TỰ LUẬN :

Câu 1

- a. Tóm tắt những hoạt động yêu nước của Nguyễn Tất Thành (1911 - 1917)?
b. Vì sao Nguyễn Tất Thành chọn hướng đi mới, khác với các nhà yêu nước tiền bối?

Câu 2: Giới thiệu những hiểu biết của em về Tổng đốc Hoàng Diệu và Nguyễn Tri Phương?

Câu 3: Nêu nhận xét của em về việc nhà Nguyễn để đất nước rơi vào tay thực dân Pháp?



Phần 1. Câu hỏi trắc nghiệm có nhiều phương án lựa chọn (Học sinh khoanh vào đáp án đúng nhất).

Câu 1. Nội dung nào dưới đây **không** nói lên mức độ đa dạng sinh học cao ở Việt Nam?

- A. Việt Nam sở hữu số lượng loài phong phú.
- B. Các loài sinh vật có số lượng cá thể lớn.
- C. Hệ thống hệ sinh thái phong phú từ rừng rậm, đất ngập nước đến biển đảo.
- D. Một số loài sinh vật có giá trị kinh tế cao được khai thác rộng rãi.

Câu 2. Đặc điểm nào sau đây thể hiện sự đa dạng về gen di truyền ở Việt Nam?

- A. Có nhiều kiểu hệ sinh thái.
- B. Nhiều loài sinh vật quý hiếm.
- C. Các cá thể trong mỗi loài phong phú.
- D. Có nhiều khu bảo tồn thiên nhiên.

Câu 3. Hệ sinh thái nào sau đây là hệ sinh thái nhân tạo?

- A. Rạn san hô.
- B. Đồng ruộng.
- C. Ao, hồ, sông suối.
- D. Rừng ngập mặn

Câu 4. Nguyên nhân tự nhiên chủ yếu gây suy giảm đa dạng sinh học là:

- A. Khai thác rừng bừa bãi.
- B. Biến đổi khí hậu.
- C. Đánh bắt thủy sản quá mức.
- D. Ô nhiễm môi trường.

Câu 5. Vì sao việc bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam trở nên cấp thiết?

- A. Do nguồn lực đầu tư cho công tác bảo tồn còn hạn chế.
- B. Do áp lực gia tăng dân số và nhu cầu khai thác tài nguyên ngày càng lớn.
- C. Do đa dạng sinh học đang bị suy giảm nghiêm trọng.
- D. Do hoạt động khai thác tài nguyên và phá hủy môi trường sống ngày càng gia tăng.

Câu 6. Tình trạng nào dưới đây thể hiện sự suy giảm hệ sinh thái ở Việt Nam?

- A. Rừng nguyên sinh bị tàn phá.
- B. Nhiều loài sinh vật bị suy giảm số lượng cá thể trong tự nhiên.
- C. Sự thay đổi nơi cư trú của một số loài sinh vật.
- D. Khí hậu có sự phân hóa theo mùa trong năm.

Câu 7. Việc suy giảm số lượng cá thể trong loài dẫn đến hậu quả gì?

- A. Gây ô nhiễm môi trường.
- B. Làm suy giảm diện tích rừng.
- C. Suy giảm nguồn gen.
- D. Gây mất cân bằng sinh thái trong quần xã.

Câu 8. Hoạt động nào sau đây góp phần làm suy giảm đa dạng sinh học?

- A. Bảo tồn các loài động vật quý hiếm.
- B. Khai thác, sử dụng thực vật hoang dã bừa bãi.
- C. Trồng và phục hồi rừng.
- D. Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên.

Câu 9. Tác động nào của con người gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái biển?

- A. Khai thác hải sản theo quy định.
- B. Du lịch sinh thái gắn với bảo vệ môi trường.
- C. Đánh bắt thủy sản quá mức.
- D. Nuôi trồng hải sản theo hướng bền vững

Câu 10. Biển Đông là một bộ phận của đại dương nào?

- A. Đại Tây Dương
- B. Ấn Độ Dương
- C. Thái Bình Dương
- D. Bắc Băng Dương

Câu 11. Diện tích của Biển Đông khoảng?

- A. 2 triệu km².
- B. 3,44 triệu km².
- C. 4,5 triệu km².
- D. 1,2 triệu km².

Câu 12. Vịnh nào sau đây **không** thuộc Biển Đông?

- A. Vịnh Cam Ranh. B. Vịnh Thái Lan. C. Vịnh Bắc Bộ D. Vịnh Bengal.

Câu 13. Quốc gia nào sau đây **không** có bờ biển giáp Biển Đông?

- A. Thái Lan. B. Trung Quốc. C. Lào. D. Philippines.

Câu 14. Diện tích vùng biển Việt Nam trên Biển Đông là khoảng

- A. 500.000 km². B. 750.000 km². C. 1 triệu km². D. 3,44 triệu km².

Câu 15. Lãnh hải Việt Nam có chiều rộng bao nhiêu hải lí?

- A. 10 hải lí. B. 12 hải lí. C. 20 hải lí. D. 200 hải lí.

Câu 16. Vùng nước nằm phía trong đường cơ sở, sát bờ biển và được coi là một bộ phận của lãnh thổ đất liền của Việt Nam được gọi là gì?

- A. Lãnh hải. B. Vùng tiếp giáp lãnh hải.
C. Nội thủy. D. Đường cơ sở.

Câu 17. Vùng biển Việt Nam bao gồm những bộ phận nào sau đây?

- A. Nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa.
B. Lãnh hải, nội thủy, biển quốc tế, thềm lục địa.
C. Vùng đặc quyền kinh tế, nội thủy, lãnh hải, biển quốc tế.
D. Nội thủy, biển quốc tế, vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 18. Vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở là:

- A. Lãnh hải. B. Vùng đặc quyền kinh tế.
C. Thềm lục địa. D. Vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 19. Thềm lục địa Việt Nam kéo dài đến:

- A. Biên giới các nước khác. B. Đáy đại dương.
C. Mép ngoài rìa lục địa. D. Vùng biển sâu.

Câu 20. Địa hình ven biển Việt Nam **không** bao gồm dạng nào sau đây?

- A. Vịnh cửa sông. B. Bờ biển mài mòn.
C. Đầm phá. D. Cao nguyên.

Câu 21. Địa hình thềm lục địa ở miền Trung có đặc điểm gì?

- A. Nông và bằng phẳng. B. Hẹp và sâu.
C. Nông và rộng. D. Không thay đổi theo vùng.

Câu 22. Đảo ven bờ có diện tích lớn nhất Việt Nam là:

- A. Cát Bà. B. Lý Sơn. C. Cô Tô. D. Phú Quốc.

Câu 23. Các đảo vùng Quảng Ninh - Hải Phòng thường có địa hình:

- A. Đồng bằng. B. Các-xtơ. C. Núi lửa. D. San hô.

Câu 24. Nhiệt độ bề mặt nước biển trung bình năm ở vùng biển Việt Nam là:

- A. Dưới 20°C. B. Trên 23°C. C. Khoảng 25°C. D. Trên 30°C.

Câu 25. Gió mùa mùa đông trên vùng biển Đông có hướng chủ yếu là:

- A. Tây Bắc. B. Đông Bắc. C. Tây Nam. D. Đông Nam.

Câu 26. Hiện tượng nào sau đây là thiên tai phổ biến ở vùng biển nước ta?

- A. Lở đất. B. Bão. C. Sóng thần. D. Động đất.

Câu 27. Độ muối trung bình ở vùng biển Việt Nam khoảng:

- A. 28‰-30‰. B. 30‰-35‰. C. 32-33‰. D. 33‰-35‰.

Câu 28. Chế độ thủy triều điển hình ở vịnh Bắc Bộ là:

- A. Bán nhật triều đều. B. Nhật triều đều.
C. Nhật triều không đều. D. Bán nhật triều không đều.

Câu 29. Đặc điểm địa hình thềm lục địa Việt Nam là:

- A. Nông và bằng phẳng ở miền Trung.
B. Hẹp và sâu ở phía Bắc và Nam.

- C. Nông và bằng phẳng ở Bắc và Nam, hẹp và sâu ở miền Trung.
- D. Đồng đều trên toàn vùng biển.

Câu 30. Môi trường biển đảo Việt Nam được hiểu là:

- A. Chỉ bao gồm các yếu tố tự nhiên.
- B. Chỉ bao gồm các hoạt động kinh tế của con người.
- C. Bao gồm các yếu tố tự nhiên và yếu tố nhân tạo.
- D. Không liên quan đến đời sống con người.

Câu 31. Đặc điểm nổi bật của môi trường biển đảo so với môi trường đất liền là:

- A. Ít chịu tác động của con người.
- B. Có tính ổn định cao.
- C. Nhạy cảm, dễ bị suy thoái trước tác động của con người.
- D. Không có sự liên kết giữa các khu vực.

Câu 32. Tính thống nhất của môi trường biển đảo thể hiện ở đặc điểm nào sau đây?

- A. Mỗi khu vực biển hoạt động độc lập.
- B. Ô nhiễm ở một khu vực có thể ảnh hưởng đến toàn vùng biển.
- C. Chỉ ảnh hưởng đến khu vực ven bờ.
- D. Không chịu tác động của các yếu tố bên ngoài.

Câu 33. Vai trò quan trọng của vùng biển đảo Việt Nam đối với phát triển đất nước là:

- A. Chỉ cung cấp nguồn thực phẩm.
- B. Chỉ phục vụ hoạt động du lịch.
- C. Góp phần phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng – an ninh.
- D. Không có ý nghĩa quan trọng.

Câu 34. Thực trạng môi trường biển đảo Việt Nam hiện nay là:

- A. Chất lượng môi trường giảm mạnh ở mọi nơi.
- B. Hoàn toàn ổn định và không biến động.
- C. Nhìn chung còn tương đối tốt nhưng có xu hướng suy giảm.
- D. Không chịu tác động của con người.

Câu 35. Nguyên nhân chủ yếu làm suy giảm chất lượng môi trường biển đảo nước ta là:

- A. Hoạt động nội lực của Trái Đất.
- B. Tác động của các hoạt động kinh tế - xã hội và biến đổi khí hậu.
- C. Do vị trí địa lí xa đất liền.
- D. Do thiếu tài nguyên thiên nhiên.

Câu 36. Biện pháp nào sau đây có ý nghĩa quan trọng trong bảo vệ môi trường biển đảo?

- A. Tăng cường khai thác tài nguyên.
- B. Áp dụng khoa học – công nghệ và nâng cao nhận thức cộng đồng.
- C. Hạn chế hoàn toàn các hoạt động kinh tế biển.
- D. Không cần sự tham gia của người dân.

Câu 37. Tài nguyên sinh vật biển Việt Nam có đặc điểm nổi bật là:

- A. Nghèo nàn, ít giá trị.
- B. Phong phú, đa dạng sinh học cao.
- C. Chỉ có giá trị du lịch.
- D. Không có khả năng khai thác.

Câu 38. Dầu mỏ và khí tự nhiên của Việt Nam chủ yếu phân bố ở:

- A. Vùng ven biển.
- B. Các đảo ven bờ.
- C. Các bể trầm tích trên thềm lục địa.
- D. Vùng núi ven biển.

Câu 39. Việc khai thác hợp lí tài nguyên biển có ý nghĩa chủ yếu là:

- A. Tăng sản lượng khai thác trong thời gian ngắn.
- B. Đáp ứng nhu cầu trước mắt của con người.
- C. Đảm bảo phát triển bền vững kinh tế biển và bảo vệ môi trường.
- D. Không ảnh hưởng đến môi trường.

Câu 40. Hoạt động nào sau đây thể hiện vai trò của học sinh trong bảo vệ môi trường và tài nguyên biển?

- A. Tham gia các chương trình tuyên truyền về bảo vệ biển, nhặt rác tại bờ biển.
- B. Tham gia các hoạt động dọn vệ sinh xung quanh trường học.
- C. Học tập và tìm hiểu về tài nguyên thiên nhiên vùng biển.
- D. Tiết kiệm nước, điện trong gia đình.

Phần 2. Câu hỏi trắc nghiệm đúng/sai.

Học sinh dựa vào đoạn thông tin và kiến thức đã học để xác định các nhận xét đi kèm là Đ(đúng) hay S(sai).

Câu 1. Cho đoạn thông tin

Việt Nam là quốc gia có tính đa dạng sinh học cao với hệ sinh thái phong phú như rừng nhiệt đới, rừng ngập mặn, rạn san hô, hệ sinh thái đất ngập nước... Nước ta có nhiều loài động, thực vật quý hiếm, trong đó có nhiều loài đặc hữu. Tuy nhiên, đa dạng sinh học đang bị suy giảm do các nguyên nhân như phá rừng, khai thác quá mức tài nguyên, ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.

? Nhận định (Chọn Đúng hoặc Sai)

A. Việt Nam có nhiều hệ sinh thái khác nhau như rừng, biển và đất ngập nước.

→ Đúng Sai

B. Các loài sinh vật quý hiếm ở Việt Nam chỉ tồn tại ở môi trường rừng.

→ Đúng Sai

C. Nếu việc phá rừng tiếp tục diễn ra, đa dạng sinh học của Việt Nam sẽ tiếp tục suy giảm.

→ Đúng Sai

D. Để bảo vệ đa dạng sinh học, chỉ cần ngăn chặn khai thác tài nguyên là đủ.

→ Đúng Sai

Câu 2. Cho đoạn thông tin

Biển Việt Nam có nguồn tài nguyên phong phú như hải sản, dầu khí, muối và tiềm năng du lịch biển. Tuy nhiên, môi trường biển đang chịu nhiều sức ép do ô nhiễm từ đất liền, khai thác quá mức và biến đổi khí hậu. Việc bảo vệ tài nguyên và môi trường biển là nhiệm vụ quan trọng để phát triển bền vững kinh tế biển.

? Nhận định (Chọn Đúng hoặc Sai)

A. Biển Việt Nam có nhiều loại tài nguyên như hải sản, dầu khí và du lịch.

→ Đúng Sai

B. Ô nhiễm môi trường biển chỉ xuất phát từ hoạt động trên biển.

→ Đúng Sai

C. Khai thác hải sản quá mức có thể làm suy giảm nguồn lợi sinh vật biển.

→ Đúng Sai

D. Phát triển kinh tế biển không cần quan tâm đến bảo vệ môi trường biển.

→ Đúng Sai

Phần 3. Câu hỏi tự luận

Câu 1. Chứng minh sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam.

Câu 2. Trình bày đặc điểm địa hình, khí hậu và hải văn ở vùng biển đảo nước ta.

Câu 3. Trình bày vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam. Bản thân em có thể làm gì để góp phần bảo vệ môi trường biển đảo?

UBND PHƯỜNG NGỌC HÀ
TRƯỜNG THCS THỐNG NHẤT



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2025-2026
MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8

I. Cấu trúc đề kiểm tra:

- Hình thức: Trắc nghiệm 100%
- Thời gian: 45 phút

II. Nội dung ôn tập:

1. Lí thuyết:

Học sinh nắm được nội dung các bài học:

1. Lập kế hoạch chi tiêu
2. Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại

2. Bài tập tham khảo:

A. Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Tác dụng của việc lập kế hoạch chi tiêu là gì?

- A. Quản lí tiền một cách hiệu quả, phát hiện được những điểm chưa đúng trong sử dụng tài chính, chi tiêu không hợp lí.
- B. Tích góp được nhiều tiền.
- C. Phát hiện được những điểm chưa đúng trong sử dụng tài chính.
- D. Quản lí tiền một cách hiệu quả, chi tiêu không hợp lí.

Câu 2: Để quản lí chi tiêu cá nhân và tiết kiệm hiệu quả, em cần làm gì?

- A. Lập kế hoạch chi tiêu chi tiết và hợp lí; phân chia chi tiêu hợp lí.
- B. Lập kế hoạch chi tiêu hợp lí; phân chia chi tiêu hợp lí; đặt ra mục tiêu tài chính rõ ràng
- C. Phân chia chi tiêu hợp lí; đặt ra mục tiêu tài chính rõ ràng
- D. Đặt ra mục tiêu tài chính rõ ràng; phân chia chi tiêu hợp lí.

Câu 3: Nhà nước ta đã nghiêm cấm hành vi nào sau đây?

- A. Sử dụng các chất độc hại để đầu độc con người.
- B. Tàn trữ, vận chuyển, buôn bán, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.
- C. Tàn trữ, sử dụng, buôn bán xăng, dầu.
- D. Tuyên truyền mọi người thực hiện các quy định phòng cháy, chữa cháy.

Câu 4: Công dân nên làm gì để phòng tránh các tai nạn về vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại?

- A. Tự giác tìm hiểu, nâng cao nhận thức, tuyên truyền cho mọi người thực hiện tốt các quy định của pháp luật về các quy định phòng ngừa tai nạn về vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại.
- B. Tàn trữ và buôn bán các vũ khí, trang thiết bị gây sát thương.
- C. Không khóa bình gas sau khi nấu ăn.
- D. Xúi giục người khác vi phạm các quy định về phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy nổ và các chất độc hại.

B. Điền Đ (đúng), S (sai) trước các câu trả lời:

Câu 1: Cha mẹ A đi làm xa nên mỗi tuần đã cho A một khoản tiền để chi tiêu cho việc mua những thứ cần thiết cho việc học tập và phòng khi xe bị hỏng dọc đường. Nhưng thỉnh thoảng xem quảng cáo có bán hàng online trên mạng, thấy cái gì hay hay vừa túi tiền, A liền đặt ngay mặc dù A chưa cần dùng những thứ đó. Theo em chi tiêu như thế sẽ dẫn đến điều gì?

	A. A mua được những thứ mà mình thích nhưng chi tiêu chưa hợp lí
	B. A sẽ bị túng thiếu tiền khi cần trong khi mua những thứ chưa cần dùng
	C. A thỏa mãn được mong muốn nhưng sẽ bị khủng hoảng tài chính
	D. Mọi người sẽ thấy A sành điệu

Câu 2: Khi phát hiện một nhóm bạn bán pháo nổ trong trường mình, em sẽ ứng xử như thế nào?

	A. Đi theo nhóm bạn đó để buôn pháo.
	B. Báo với thầy cô giáo trong trường để tìm cách xử lí.
	C. Không quan tâm vì không liên quan tới mình.
	D. D. Rủ bạn bè trong lớp cùng mua pháo đốt cho vui

* **Lưu ý:** HS làm phần lí thuyết và bài tập tham khảo vào vở GD&ĐT



I. Giới hạn nội dung ôn tập Tin học 8 cuối học kì II

Ôn tập kiên thức các nội dung trọng tâm sau:

1. Bài 10a. Định dạng nâng cao cho trang chiếu

- Tạo nội dung với màu sắc, cỡ chữ hài hòa, hợp lí
- Thực hiện các thao tác: Đánh số trang, thêm đầu trang, chân trang cho trang chiếu

2. Bài 11a. Sử dụng bản mẫu tạo bài trình chiếu

- Bản mẫu trong phần mềm trình chiếu
- Tạo đường dẫn đến video hay tài liệu khác

3. Bài 12. Từ thuật toán đến chương trình

- Chương trình là gì?
- Tạo được một số chương trình điều khiển máy tính đơn giản (bài 1,2,3/ Luyện tập SGK/75)

4. Bài 13. Biểu diễn dữ liệu

- Hằng, Biến, Biểu thức?

3. Tài liệu ôn tập: vở ghi, SGK, SBT Tin học lớp 8

II. Cấu trúc đề thi

Trắc nghiệm: 100% trong đó:

- + 32 câu lựa chọn đáp án
- + 2 câu (8 ý) xác định Đúng/sai

III. Một số câu trắc nghiệm minh họa

Phần 1. Câu hỏi trắc nghiệm lựa chọn đáp án

Câu 1. Đầu là nhân tố đóng vai trò quan trọng trong việc thiết kế một bài trình chiếu?

- A. Nội dung B. Hình ảnh. C. Màu sắc D. Đáp án khác

Câu 2. Một bài trình chiếu đẹp, chuyên nghiệp là?

- A. Có nhiều hình ảnh
B. Có nhiều chữ
C. Sự phối hợp hoàn hảo của nội dung, bố cục và màu sắc
D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 3. Khi sử dụng các màu cho trang trình chiếu nên?

- A. Kết hợp các màu cùng nhóm với nhau
B. Không sử dụng quá nhiều màu trên một trang chiếu
C. Nên chọn màu văn bản có độ tương phản cao với màu nền
D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 4. Thông tin nào thường được sử dụng để thêm vào đầu trang, chân trang?

- A. Tên người trình chiếu, tên công ty B. Tiêu đề bài trình chiếu
C. Số trang hay thời gian trình chiếu.... D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 5. Trang tiêu đề có mẫu?

- A. Title and Content B. Title Slide
C. Cả hai đáp án trên đều đúng D. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 6. Chọn thêm thông tin về ngày trình bày chọn?

- A. Footer B. Slide number
C. Update automatically D. Date and time

Câu 7. Nhập thêm thông tin xuất hiện ở chân trang vào ô ?

- A. Footer
B. Slide number
C. Update automatically
D. Date and time

Câu 8. Chọn để không thêm chân trang vào trang tiêu đề là vào ô ?

- A. Footer
B. Slide number
C. Update automatically
D. Don't show on title slide

Câu 9. Chọn để thêm thông tin vào chân trang là vào ô?

- A. Footer
B. Slide number
C. Update automatically
D. Don't show on title slide

Câu 10. Các bài trình chiếu muốn mang lại ấn tượng mạnh, các sự kiện tri ân nên sử dụng gam màu nào?

- A. Gam màu lạnh
B. Gamm màu trung tính
C. Gam màu nóng
D. Đáp án khác

Câu 11. Trong Powerpoint, bản mẫu có tên là gì?

- A. Templates
B. Themes.
C. Apply to selected slides.
D. Design.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Có thể tạo bài trình chiếu mới bằng cách chọn File>New>Blank Presentation.
B. Có thể chọn mẫu bố cục trang chiếu có sẵn bằng cách mở thẻ Home, nháy chuột vào mũi tên bên phải nút New Slide, sau đó chọn mẫu trang chiếu có bố cục phù hợp.
C. Mẫu định dạng trang chiếu được thiết kế sẵn với màu sắc, hình ảnh nền, phong chữ, kiểu chữ, cỡ chữ, ... Khi được chọn, mặc định mẫu định dạng sẽ được áp dụng thống nhất cho toàn bộ các trang trong bài trình chiếu.
D. Ta không thể thay đổi được bố cục, định dạng, nội dung trang chiếu của bản mẫu.

Câu 13. Phương án nào sau đây mô tả tạo bài trình chiếu mới?

- A. Nháy chuột chọn Design/Themes, Blank Presentation.
B. Nháy chuột chọn Design/Variants, Blank Presentation
C. Nháy chuột chọn File/New, chọn Blank Presentation.
D. Nháy chuột chọn File/New, chọn New Slide.

Câu 14. Bản mẫu có công dụng như nào?

- A. Chứa bố cục, màu sắc, phong chữ, hiệu ứng, kiểu nền,... và cả nội dung.
B. Giúp bài trình chiếu có giao diện thống nhất, chuyên nghiệp mà không tốn thời gian.
C. Gợi ý các nội dung cần có cho bài trình chiếu; có thể chỉnh sửa, chia sẻ, tái sử dụng bản mẫu.
D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 15. Phương án nào sau đây mô tả các bước lưu?

- A. Nháy chuột chọn Design/ Themes, chọn bản mẫu
B. Nháy chuột chọn File/ Save, chọn save
C. Nháy chuột chọn Desigh/Variants, chọn bản mẫu
D. Nháy chuột chọn Insert/Text, chọn bản mẫu

Câu 16. Phương án nào sau đây mô tả các bước sử dụng bản mẫu?

- A. Nháy chuột chọn Design/ Themes, chọn bản mẫu
B. Nháy chuột chọn File/ New, chọn bản mẫu
C. Nháy chuột chọn Desigh/Variants, chọn bản mẫu
D. Nháy chuột chọn Insert/Text, chọn bản mẫu

Câu 17. Em có thể làm gì với bản mẫu để phù hợp với nội dung trình chiếu?

- A. Thay đổi phong chữ
B. Cỡ chữ
C. Màu nền
D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 18. Để tạo một bài trình chiếu mới ta chọn?

- A. Education B. File/New C. Themes D. Đáp án khác

Câu 19. Các thao tác có thể thực hiện thao tác nào với các bản mẫu?

- A. Chỉnh sửa B. Chia sẻ
C. Tái sử dụng bản mẫu D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 20. Đâu là thành phần của bản mẫu?

- A. Bố cục, màu sắc B. Phong chữ, hiệu ứng, kiểu nền...
C. Nội dung D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 21. Tam giác đều là hình có ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau và bằng 60 độ. Để di chuyển theo một hình tam giác đều, nhân vật cần lặp lại ba lần việc thực hiện hai hành động sau đây:

1. Di chuyển về phía trước một số bước bằng độ dài cạnh tam giác. Ví dụ, di chuyển 60 bước.

2. Quay trái 120 độ.

Thuật toán đã sử dụng?

- A. Cấu trúc tuần tự B. Cấu trúc lặp
C. Cả hai đáp án trên đều đúng D. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 22. Tam giác đều là hình có ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau và bằng 60 độ. Để di chuyển theo một hình tam giác đều, nhân vật cần lặp lại ba lần việc thực hiện hai hành động sau đây:

1. Di chuyển về phía trước một số bước bằng độ dài cạnh tam giác. Ví dụ, di chuyển 60 bước

2. Quay trái 120 độ

Số bước lặp trong thuật toán trên là?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4**

Câu 23. Mô tả thuật toán là gì?

- A. Liệt kê các bước thực hiện công việc. B. Liệt kê các cách thực hiện công việc.
C. Liệt kê một bước thực hiện công việc. D. Tất cả đều đúng

Câu 24. Hãy cho biết kết quả thực hiện thuật Toán:

- B1: Nếu $a > b$, kết quả là " a lớn hơn b " và chuyển đến Bước 3
- B2: Nếu $a < b$, kết quả là " a nhỏ hơn b "; ngược lại, kết quả là " a bằng b "
- B3: Kết thúc thuật toán

- A. So sánh hai số a và b B. Hoán đổi giá trị hai biến a và b
C. Tìm số lớn hơn trong hai số D. Đáp án khác

Câu 25. Chọn phát biểu SAI

A. Việc thực hiện cả 3 bước khi giải bài toán trên máy tính là cần thiết, nhất là đối với bài toán phức tạp

B. Xác định bài toán là xác định rõ các điều kiện cho trước và kết quả cần thu được

C. Dãy hữu hạn các thao tác cần thực hiện để giải một bài toán được gọi là thuật toán

D. Đối với mỗi bài toán cụ thể chúng ta chỉ có 1 thuật toán duy nhất để giải bài toán đó trên máy tính

Câu 26. Các bước của thuật toán thực hiện tuần tự như thế nào?

- A. Từ trên xuống B. Từ dưới lên
C. Do người viết quy định D. Tất cả đều sai

Câu 27. 1 công việc hay 1 nhiệm vụ cần được giải quyết được gọi là:

- A. Thuật toán B. Chương trình C. Bài toán D. Điều kiện cho trước

Câu 28. Lệnh Code trong phần mềm Scratch là nơi?

- A. Chứa các âm thanh khác nhau của đối tượng
- B. Chứa các thiết kế, các giao diện khác nhau của đối tượng
- C. Chứa danh mục các lệnh dùng để lập trình cho các đối tượng trong Scratch
- D. Đáp án khác

Câu 29. Thứ tự các bước giải bài toán trên máy tính:

- A. Xác định bài toán -> Viết chương trình -> Mô tả thuật toán
- B. Xác định bài toán -> Mô tả thuật toán -> Viết chương trình
- C. Mô tả thuật toán -> Xác định bài toán -> Viết chương trình
- D. Viết chương trình -> Xác định bài toán -> Mô tả thuật toán

Câu 30. Thiết kế (Costumes) trong phần mềm Scratch là nơi?

- A. Chứa các âm thanh khác nhau của đối tượng
- B. Chứa các thiết kế, các giao diện khác nhau của đối tượng
- C. Chứa danh mục các lệnh dùng để lập trình cho các đối tượng trong Scratch
- D. Đáp án khác

Câu 31. Xác định bài toán là đi xác định điều kiện cho trước của bài toán tính chu vi tam giác.

- A. Diện tích tam giác
- B. 3 cạnh của tam giác
- C. Chiều cao của tam giác
- D. Chu vi tam giác

Câu 32. Thuật toán là gì?

- A. Dãy các thao tác cần thực hiện theo 1 trình tự xác định để thu được kết quả cần thiết từ những điều kiện cho trước.
- B. Một thao tác cần thực hiện để thu được kết quả cần thiết từ những điều kiện cho trước.
- C. Dãy các thao tác cần thực hiện để thu được kết quả cần thiết từ những điều kiện cho trước.
- D. Tất cả đều sai

Câu 33. Chương trình là?

- A. Dãy các thao tác điều khiển máy tính thực hiện thuật toán
- B. Dãy các lệnh điều khiển máy tính xử lý thuật toán
- C. Dãy các lệnh điều khiển máy tính giải quyết thuật toán
- D. Dãy các lệnh điều khiển máy tính thực hiện thuật toán

Câu 34. Để máy tính "hiểu" và thực hiện thuật toán thì ta cần?

- A. Điều khiển máy tính
- B. Giải mẫu cho máy tính
- C. Viết chương trình
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 35. Để mô tả thuật toán thì người ta sử dụng cách liệt kê các bước bằng?

- A. Ngôn ngữ tự nhiên
- B. Sơ đồ khối
- C. Cả hai đáp án trên đều đúng
- D. Cả hai đáp án trên đều sai

Câu 36. Biểu thức là sự kết hợp của?

- A. Biến
- B. Hằng
- C. Dấu ngoặc, phép toán và các hàm
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 37. Các kiểu dữ liệu của hằng là?

- A. Hằng kiểu số
- B. Hằng kiểu xâu kí tự
- C. Hằng kiểu logic
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 38. Hằng là:

- A. Giá trị không đổi trong quá trình thực hiện chương trình
- B. Giá trị thay đổi trong quá trình thực hiện chương trình
- C. Giá trị luôn thay đổi
- D. Đáp án khác

Câu 39. Biến được nhận biết thông qua?

- A. Kiểu dữ liệu
 B. Đặc điểm
 C. Tên của nó
 D. Cả ba đáp án trên đều sai

Câu 40. Trong lập trình, biến được dùng để?

- A. Lưu trữ giá trị có thể thay đổi trong khi thực hiện chương trình
 B. Lưu trữ giá trị không thể thay đổi trong khi thực hiện chương trình
 C. Lưu trữ giá trị có thể thay đổi trong khi thực hiện phép toán
 D. Lưu trữ giá trị không thể thay đổi trong khi thực hiện phép toán

Phần 2. Phần trắc nghiệm xác định đúng sai

Đánh dấu X vào cột đúng sau tương ứng:

Phát biểu	Đúng	Sai
a. Phần mềm trình chiếu cung cấp sẵn các mẫu định dạng và các bản mẫu		
b. Mẫu định dạng và bản mẫu giúp người sử dụng tạo được bài trình chiếu chuyên nghiệp và không tốn thời gian.		
c. Mẫu định dạng và bản mẫu đều cung cấp sẵn bố cục, màu sắc, phong chữ, kiểu nền và cả nội dung.		
d. Chỉ có bản mẫu được thiết kế dùng cho một mục đích, một chủ đề cụ thể mới cung cấp các nội dung gợi ý.		
e. Có thể chỉnh sửa, chia sẻ, tái sử dụng bản mẫu.		



A. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Một số phương pháp gia công cơ khí bằng tay
2. Truyền và biến đổi chuyển động
3. Một số ngành nghề cơ khí phổ biến
4. Nguyên nhân gây tai nạn điện và biện pháp an toàn điện.
5. Dụng cụ bảo vệ an toàn điện và cách sơ cứu người bị tai nạn điện
6. Cấu trúc chung của mạch điện
7. Mạch điện điều khiển và mô đun cảm biến
8. Lắp ráp mạch điều khiển đơn giản sử dụng mô đun cảm biến

B. BÀI TẬP THAM KHẢO

I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Hãy chọn câu trả lời đúng nhất cho các câu hỏi sau:

Câu 1. Cấu trúc chung của mạch điện gồm các bộ phận chính nào?

- A. Nguồn điện B. Bộ phận truyền dẫn, đóng, cắt, điều khiển và bảo vệ
C. Phụ tải điện D. Cả 3 đáp án trên đúng.

Câu 2. Pin, ắc quy là nguồn điện gì?

- A. Nguồn điện một chiều B. Nguồn điện xoay chiều
C. Điện hạt nhân D. Nguồn năng lượng tái tạo

Câu 3. Thiết bị nào sau đây dùng để đóng, cắt mạch điện?

- A. Cầu chì B. Dây dẫn điện C. Công tắc đèn D. Quạt điện

Câu 4. Nồi cơm điện, ấm siêu tốc biến điện năng thành dạng năng lượng nào?

- A. Quang năng B. Nhiệt năng C. Cơ năng D. Cả 3 đáp án trên đúng

Câu 5. Sơ đồ khối mạch điện điều khiển sử dụng mô đun cảm biến gồm những bộ phận nào?

- A. Nguồn điện; bộ phận truyền dẫn, đóng, cắt, điều khiển và bảo vệ; phụ tải điện
B. Nguồn điện; mô đun cảm biến; phụ tải điện
C. Tiếp điểm đóng, cắt; mạch điện tử; cảm biến
D. Cả 3 đáp án trên đúng.

Câu 6. Theo tín hiệu đầu vào, có loại mô đun cảm biến nào?

- A. Mô đun cảm biến báo cháy B. Mô đun cảm biến quang dẫn
C. Mô đun cảm biến ánh sáng D. Mô đun cảm biến chuyển động



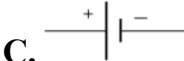

Câu 7. Mô đun cảm biến ánh sáng có tín hiệu đầu vào là gì?

- A. Cường độ ánh sáng B. Độ ẩm của không khí
C. Nhiệt độ của vật thể hoặc môi trường D. Cường độ tia hồng ngoại

Câu 8. Trong ví dụ sau, đâu là ví dụ về mô đun cảm biến ánh sáng trong thực tế?

- A. Hệ thống tự động điều chỉnh nhiệt độ trong tủ lạnh
B. Bật, tắt tự động đèn chiếu sáng sân, vườn.
C. Tự động bơm nước tưới rau trong vườn.
D. Bật, tắt đèn khi có người đi lại trong hành lang.

Câu 9. Trên sơ đồ mạch điện điều khiển, công tắc 2 cực có kí hiệu là

- A.  B.  C.  D. 

Câu 10. Quy trình lắp ráp mạch điều khiển đơn giản sử dụng mô đun cảm biến gồm các bước nào?

- A. Tìm hiểu sơ đồ lắp ráp, lắp ráp mạch điều khiển.
- B. Tìm hiểu sơ đồ lắp ráp, lựa chọn thiết bị và dụng cụ, lắp ráp mạch điều khiển.
- C. Tìm hiểu sơ đồ lắp ráp, lựa chọn thiết bị và dụng cụ, lắp ráp mạch điều khiển, kiểm tra và thử mạch.
- D. Cả 3 đáp án trên sai.

Câu 11. Bước 1 trong quy trình lắp ráp mạch điều khiển đơn giản sử dụng mô đun cảm biến là gì?

- A. Tìm hiểu sơ đồ lắp ráp.
- B. Lắp ráp mạch điều khiển.
- C. Lựa chọn thiết bị và dụng cụ.
- D. Tìm hiểu địa điểm lắp ráp.

Câu 12. Lò ấp trứng gà tự động sử dụng mô đun cảm biến nào?

- A. Mô đun cảm biến ánh sáng
- B. Mô đun cảm biến độ ẩm.
- C. Mô đun cảm biến nhiệt độ.
- D. Mô đun cảm biến hồng ngoại

Câu 13. Quan sát hình ảnh sau, cho biết đâu là hình ảnh của kim điện?



A. Hình 1



B. Hình 2



C. Hình 3



D. Hình 4

Câu 14. Quan sát hình ảnh sau và cho biết đây là loại dụng cụ nào?

- A. Búa và dũa
- B. Cưa và búa
- C. Búa và tua vít
- D. Búa và đục



Câu 15. Trong các dụng cụ sau, dụng cụ nào là dụng cụ an toàn điện?

- A. Kim điện
- B. Quạt điện
- C. Dụng cụ không có chuỗi cách điện
- D. Ổ cắm điện

Câu 16. Cơ cấu tay quay con trượt có độ dài tay quay là 40 mm thì độ lớn quãng đường di chuyển của con trượt là bao nhiêu?

- A. 20 mm
- B. 80 mm
- C. 4 cm
- D. 40π mm

Câu 17. Hãy chọn hành động đúng về an toàn điện trong những hành động sau?

- A. Chơi đùa và trèo lên cột điện cao áp
- B. Thả điều gần đường dây điện
- C. Không trèo lên cột điện cao áp
- D. Xây nhà gần đường dây điện cao áp

Câu 18. Vỏ của áp tô mát được làm từ vật liệu gì?

- A. Nhôm
- B. Đồng
- C. Nhựa, sứ
- D. Cả 3 đáp án trên đúng

Câu 19. Công tác điện có công dụng gì?

- A. Dẫn điện từ nguồn điện đến phụ tải điện
- B. Đóng, cắt và bảo vệ mạch điện, đồ dùng điện
- C. Bảo vệ an toàn cho đồ dùng điện, mạch điện
- D. Đóng, cắt mạch điện, đồ dùng điện

Câu 20. Bộ phận quan trọng của bút thử điện là?

- A. Thân bút và lò xo
- B. Đèn báo và điện trở
- C. Đầu bút và đèn báo
- D. Tất cả đều đúng

Câu 21. Bộ phận nào cách điện?

- A. Đầu tua vít
- B. Vỏ dây điện
- C. Lõi dây điện
- D. Chốt phích cắm điện

Câu 22. Đầu là cơ cấu truyền động nhờ ma sát?

- A. Truyền động đai.
- B. Truyền động xích.
- C. Truyền động bánh răng.
- D. Cả B và C đều đúng.

Câu 23. Quan sát hình sau và cho biết người trong hình làm ngành nghề nào?

- A. Kỹ sư cơ khí.
- B. Kiểm tra và bảo dưỡng ô tô
- C. thợ sửa chữa xe máy
- D. thợ vận hành máy công cụ.



Câu 24. Nơi đào tạo thợ sửa chữa xe có động cơ ở đâu?

- A. Các trường đại học kỹ thuật
- B. Trường trung học phổ thông
- C. Trường dạy nghề, cao đẳng nghề, cơ sở sửa chữa
- D. Cả 3 đáp án trên đúng

II. Trắc nghiệm đúng/ sai.

Hãy ghi chữ cái “Đ” cho câu trả lời đúng, và chữ cái “S” cho câu trả lời sai.

Câu 1. Các khẳng định sau đúng hay sai?

	Khẳng định	Đ/S
1.	Khi cưa kim loại, tay phải cầm tay nắm, tay kia cầm đầu kia khung cưa.	
2.	Bộ phận truyền dẫn của mạch điện là dây dẫn điện, công tắc điện.	
3.	Môi trường làm việc của kỹ sư cơ khí là tại công ty lắp đặt và sửa chữa điện.	
4.	Trong bộ truyền bánh răng, bánh răng có số răng nhiều hơn thì quay với tốc độ nhanh hơn..	

Câu 2. Các khẳng định sau đúng hay sai?

	Khẳng định	Đ/S
1.	Trước khi, bác Hùng thay bóng đèn bị cháy trong nhà, đã tắt công tắc đèn, mang găng tay cao su và đi giày cao su.	
2.	Cửa tự động mở khi có người và đóng khi không có người, sử dụng mô đun cảm biến chuyển động.	
3.	Bạn Hoàng nói công tắc đèn là thiết bị bảo vệ mạch điện của đèn.	
4.	Bác Việt là thợ sửa chữa xe máy. Nơi làm việc của bác Việt tại viện nghiên cứu.	

III. Trả lời ngắn

Hãy ghi câu trả lời ngắn gọn cho mỗi câu hỏi sau:

Câu 1. a. Trong bộ truyền động đai, nếu tỉ số truyền $i > 1$ thì đó là truyền động

b. Trong thành phần cấu tạo của thép, tỉ lệ các bon là

Câu 2. a. Nồi cơm điện thuộc nhóm phụ tải điện biến điện năng thành

b. Cầu chì là thiết bị dùng để mạch điện.

IV. Tự luận

Câu 1. Bánh đai bị dẫn có đường kính là 240 mm, tốc độ quay 300 vòng/phút và bánh đai dẫn có đường kính là 120 mm. Tính tỉ số truyền lý thuyết và tốc độ quay của bánh đai dẫn?

Câu 2. Đĩa xích của một chiếc xe đạp có tốc độ quay là 40 vòng/ phút và có số răng là 50.

Biết tỉ số truyền của bộ truyền xích xe đạp $i = \frac{1}{2}$. Tính số răng của líp?

Câu 3. Nêu cấu tạo, nguyên lý làm việc, ứng dụng của cơ cấu tay quay thanh lắc.

Câu 4. a) Vì sao dòng điện qua bút thử điện lại không gây nguy hiểm cho người sử dụng?

b) Khi bị điện giật, dòng điện sẽ đi qua người nên cần nhanh chóng tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện. Nêu một số biện pháp tách nạn nhân ra khỏi vật mang điện.

Câu 5. a) Nêu tên và chức năng các bộ phận chính của mạch điện.

b) Đặc điểm chính của dây dẫn và dây cáp điện là gì?

----- HẾT -----

Chúc các con ôn tập tốt – Kiểm tra đạt kết quả cao!